

L'Evolution intellectuelle et morale  
des Annamites depuis l'établissement  
du Protectorat français<sup>(1)</sup>

(Sự tiến-hoá về đường tinh-thần của người Việt-Nam tự khi  
nước Pháp đặt Bảo-hộ)

Bài này của Bản-chỉ Chủ-bút Phạm-quân diễn-thuyết ở Trường « Thuộc-địa » (Ecole coloniale) ở Paris là nơi dạy những người sang làm quan cai-trị ở bên ta. Trước khi diễn-thuyết, có quan CHATEL là Chánh Văn-phòng của quan Toàn-quyền LONG hồi bấy giờ đương ở Paris đọc mấy lời giới-thiệu ông PHẠM QUỲNH cho người đến nghe, bữa ấy đông lắm, ngồi chật cả nơi diễn-đường trường Thuộc-địa. Quan CHATEL vốn trước cũng tốt-nghiệp ở trường Thuộc-địa ra. Sau đây in cả nguyên-văn lời giới-thiệu và bài diễn-thuyết, lại đối dịch ra quốc-ngữ. Pháp-văn bài diễn-thuyết này đã in ở bên Tây, trong tạp-chí « Revue du Pacifique » (Thái-bình-dương tạp-chí) của ông nghị-viên ARCHIMBAUD làm chủ-bút.

N.-P.

Introduction

Monsieur le Directeur,  
Mesdames, Messieurs,  
Mes chers Camarades,

Lorsque M. le Directeur MAX OUTREY me fit l'honneur de me demander de venir vous présenter M. PHẠM QUỲNH, j'acceptai volontiers, car très attaché en Indochine à la si intéressante œuvre accomplie par le conférencier d'aujourd'hui, et ayant été un de ceux qui l'ont sollicité d'accepter de venir en France, il m'est un agréable devoir de venir très rapidement vous dire qui est M. PHẠM QUỲNH et quelle est son œuvre.

Homme de grande culture, M. PHẠM QUỲNH a très justement compris les besoins de l'époque dans laquelle il vit, et son œuvre, — je dirai même sa mission, car il la remplit comme un véritable apostolat, — s'ajuste de façon exacte et parfaite aux actuelles nécessités de l'évolution indigène

Lời giới-thiệu

Thưa quan Đốc,  
Thưa các quý-phu-nhân,  
Thưa các Ngài,  
Thưa các qui-hữu,

Khi quan Đốc MAX OUTREY có lòng hạ-cố bảo tôi đến giới-thiệu với các Ngài ông PHẠM QUỲNH là người diễn-thuyết hôm nay, tôi vui lòng nhận ngay, vì tôi ở bên Đông-dương vốn vẫn mến cái công-nghiệp hay của ông đã làm nên, và chính tôi đã từng nài cho ông nhận lời sang Pháp chuyển này, vậy tôi lấy làm một sự vui-vẻ đến đây nói qua về các ngài biết ông PHẠM QUỲNH là ai và sự-nghiệp ông thế nào.

Ông PHẠM QUỲNH là một người học-thức rộng, đã hiểu rõ sự cần-dùng trong thời-thế bây giờ, nên cái công-nghiệp của ông, — có thể gọi là cái thiên-chức của ông cũng được, vì ông nhiệt-thành làm việc không khác gì một ông giáo-sư truyền-đạo vậy, — thật là thích-hợp với

(1) Conférence faite par M. PHẠM QUỲNH à l'Ecole Coloniale de Paris le vendredi 31 Mai 1922. — Cette conférence a paru en article dans la Revue du Pacifique et comme tirage à part dans les « Publications de l'Agence économique de l'Indochine » à Paris.

au Tonkin. *Semblable évolution est, vous le savez, particulièrement délicate; elle se doit, en effet, en respectant toute une culture traditionnelle et en conservant tous les principes nécessaires à la morale et à l'éducation d'un peuple, d'aboutir à donner à toute une race la compréhension des idées occidentales si différentes des idées qu'un long atavisme et une tradition parfaitement respectée ont ancrées dans les esprits.*

*Je m'en voudrais de développer ici les étapes de cette évolution, puisque ce sera là le sujet de la conférence de M. PHẠM QUỲNH.*

*Je tiens néanmoins à mettre en lumière l'utilité du rôle joué par lui. L'idée directrice de son travail est qu'il ne faut point démolir rapidement et saper sans mesure un édifice solidement construit pour monter en hâte et avec des matériaux entièrement nouveaux un bâtiment qui s'élèverait sans base solide sur un fond incertain.*

*Très simplement, je crois qu'il est possible d'exposer l'œuvre de M. PHẠM QUỲNH qu'il a concrétisée dans la revue Nam-Phong qu'il dirige avec tant de compétence.*

*Pour ménager une transition entre le présent et l'avenir, pour passer d'une culture chinoise à une culture française, M. PHẠM QUỲNH a estimé qu'il fallait un véhicule non point constitué par le pis-aller que pourrait être un annamite vulgaire propre seulement à exprimer des idées courantes, mais une langue perfectionnée complète qui permette de faire comprendre et de traduire aux Annamites à la fois les idées de culture chinoise autrefois au premier plan de leur éducation et les connaissances occidentales qui deviendront la partie dominante de leur instruction.*

*Le Nam-Phong est composé de trois parties écrites en trois langues différentes. Au début de chaque numéro, une très courte partie écrite en français, à la fin un nombre de pages aujourd'hui encore assez important en caractères*

sự yếu-cần trong việc tiến-hóa của người dân Bắc-kỳ hiện bây giờ. Các ngài chắc cũng biết rằng sự tiến-hóa ấy thật là khó-khăn lắm; vì phải thế nào cho vừa giữ được cái văn-hóa cò của một nước, giữ được những phép-tắc cần cho việc luân-lý giáo-dục của một dân-tộc, mà lại vừa khai-thông được cho cả một giống người biết am-hiểu những tư-tưởng mới của Tây-phương, khác hẳn với những tư-tưởng cũ đã di-truyền tồ-thuật mấy mươi đời mà như in sâu vào trong trí-não người ta vậy.

Tôi không muốn kể ra đây các thời-kỳ trong sự tiến-hóa ấy, vì đó chính là đầu bài diễn-thuyết của ông PHẠM QUỲNH bữa nay.

Song tôi muốn nói rõ đề các ngài biết công việc ông làm ích-lợi là dường nào. Cái chủ-nghĩa của ông là không nên vội phá dỡ một cái nhà hầy còn chắc-chắn, đề gấp dựng lên một cái nhà mới bằng những vật-liệu mới mà nền chừa chắc đã được vững-vàng.

Công-nghiệp ông PHẠM QUỲNH là gồm ở trong tạp-chí *Nam-phong*, ông đứng chủ-trương một cách rất xứng-đáng. Muốn biết công-nghiệp ấy thế nào, tưởng cũng có thể thuật qua một cách giản-lược như sau này.

Muốn cho đời trước đời sau có liên-lạc với nhau, muốn cho tự Hàn-học cũ mà dần dần chuyển sang Pháp-học mới, ông PHẠM QUỲNH nghĩ rằng cần phải có một thứ văn-tự Việt-Nam để giao-thông, văn-tự ấy không phải là một thứ tiếng nôm-na để diễn những tư-tưởng tâm-thường trong dân-gian đầu, văn-tự ấy phải cho hoàn-toàn cao-thượng, đủ diễn-dịch cho người Việt-Nam hiểu vừa những tư-tưởng cũ của Nho-học trước làm gốc sự giáo-dục trong nước, vừa những điều tri-thức mới của Tây-học sau này sẽ là phần cốt-yếu trong đường trí-dục của quốc-dân.

Tạp-chí *Nam-phong* có ba phần viết bằng ba thứ chữ khác nhau. Đầu mỗi số có một phần in-ti bằng chữ Pháp, cuối số một phần chữ nho nay vẫn còn khá nhiều, còn cả toàn-tập bằng quốc-ngữ, chính ông

chinoise, puis tout le corps même de la Revue en quốc-ngữ que M. PHẠM QUỲNH écrit d'ailleurs avec un rare bonheur. Cette partie en quốc-ngữ comprend la traduction d'œuvres françaises et chinoises sur lesquelles M. PHẠM QUỲNH exerce un choix éclairé permettant à ses lecteurs de connaître ce qu'ils doivent retenir de la tradition chinoise et d'acquiescer ce qu'ils doivent apprendre des idées occidentales.

Cette Revue est l'instrument perfectionné et symbolique de l'évolution intellectuelle tonkinoise. Elle permet aux Annamites, dans leur propre langue transcrite savamment, de maintenir les connaissances traditionnelles et d'acquiescer les connaissances occidentales.

Vous voyez vous-même par ce rapide exposé tout le mécanisme de cette œuvre, la partie en caractères étant appelée peu à peu à perdre de l'importance, à diminuer, presque à disparaître au profit de la partie française qui augmentera au fur et à mesure que la formation de leur esprit permettra aux Tonkinois d'user du français non pas comme d'une langue qu'ils parlent ou plutôt répètent sans bien comprendre toutes les idées qu'elle exprime, mais d'en user comme d'un moyen de traduire exactement des pensées et des idées occidentales qui se seront formées dans leur esprit, dans leur langue courante dont ils possèdent naturellement toutes les finesses.

M. PHẠM QUỲNH poursuit son œuvre avec un dévouement et une ardeur qui révèlent chez lui une véritable vocation d'éducateur. Sa parfaite connaissance du quốc-ngữ et ses mérites littéraires lui auraient permis de trouver des situations lucratives. Il n'est arrivé à moi-même de lui en proposer, mais avec la modestie du sage qui sait trouver en son œuvre des satisfactions qui valent mieux que celles que pourrait lui donner l'argent, M. PHẠM QUỲNH s'est cantonné dans son travail. Grand ami de la France, il est pour notre œuvre en Indochine un précieux collaborateur estimé et respecté de tous. Il est un guide sûr à la fois pour les vieux lettrés de tradition chinoise et pour les jeunes étudiants formés uniquement à nos

PHẠM QUỲNH biên-tập, văn-chương ông hay lắm. Phần quốc-ngữ ấy là dịch-thuật các sách Tây sách Tàu, ông PHẠM QUỲNH lựa-lọc một cách rất sáng-suốt, khiến cho người đọc báo biết trong cô-học Tàu có những gì nên bảo-tồn, trong tân-học Tây có những gì nên thấu-thái.

Tạp chí Nam-phong ấy thật là cái lợi-khi và cái biểu-hiệu của sự tiến-hóa dân Bắc-kỳ về đường tri-thức vậy. Nhờ có báo ấy mà người Việt-Nam có thể dùng quốc-văn của mình vừa giữ được cái nền học cũ, vừa tăng được cái sức học mới.

Tôi kể qua như thế, chắc các ngài cũng đã hiểu rõ cái cơ-quan của tạp báo ấy thế nào, phần chữ nho rồi sẽ mỗi ngày một giảm bớt đi, một tiêu dần đi, mà phần chữ pháp mỗi ngày một tăng thêm lên, mở rộng ra, tùy cái trình-độ của người Bắc-kỳ học chữ Pháp mỗi ngày một thâm hơn, không những biết dùng chữ Pháp như một thứ tiếng nói truyền-khẩu mà không hiểu hết ý-tử, nhưng biết dùng như một cái lợi-khi để diễn-đạt những tư-tưởng của Thái-Tây đã nhờ có quốc-văn tinh-xảo mà gây mà luyện được ở trong trí-não mình.

Ông PHẠM QUỲNH thật là nhiệt-thành tận-tụy về việc ấy, tỏ ra một người có cái tư-cách thiên-bhâm về đường giáo-dục. Sự-nghiệp văn - chương ông rõ-rệt như thế, tưởng muốn theo đường danh - lợi cũng chẳng khó gì. Chính tôi đây đã từng có khi bày chuyện công-danh với ông, nhưng ông có cái đức khiêm người quân-tử, biết rằng làm việc nghĩa - vụ còn vui lòng hơn là kiếm được nhiều tiền, cho nên ông chỉ chuyên-chủ việc ông mà thôi. Ông là một người bạn tốt của nước Pháp, là một tay giúp việc qui-bá cho cái công khai-hóa của nước ta ở Đông-dương, hết thấy ai cũng yêu-mến kính-trọng. Ông là một người hướng-dạo chắc chắn, vừa cho các nhà nho cũ sinh-trưởng

*écoles. Fidèle au but qu'il s'est assigné, son dévouement saisit toutes les occasions de se manifester pour y parvenir. Durant la guerre, il sut faire, non seulement en Indochine, mais aussi en Chine, une propagande d'autant plus précieuse qu'elle était faite en un style qui devait séduire toute l'élite instruite de la Chine et de l'Indochine. Depuis la paix, chaque année, sa production littéraire, tout en conservant sa haute tenue et ses mérites, apporte de nouveaux éléments à son œuvre. J'espère d'ailleurs que son voyage en France aura les plus heureuses conséquences, car suivant une habitude chère à tous ses lecteurs, M. PHẠM QUỲNH ne manquera point, à son retour à Hanoi, d'écrire une relation de ses voyages qui constituera pour ses compatriotes un précieux enseignement.*

*Je m'en voudrais de présenter plus longuement M. PHẠM QUỲNH et de retenir indûment une attention qui sera fixée plus utilement par M. PHẠM QUỲNH lui-même.*

*Je tiens seulement, en terminant, à remercier, au nom de M. le Gouverneur général de l'Indochine, M. le Directeur MAX OUTREY d'avoir bien voulu apporter son précieux concours à l'organisation de cette conférence, qui aura le double effet de faire connaître en France ce qu'est l'élite intellectuelle annamite, en même temps qu'elle montrera aux compatriotes de M. PHẠM QUỲNH l'ardent désir de l'élite intellectuelle française de chercher à pénétrer les intelligences annamites que la France s'est donné mission de former, et qu'elle sera pour eux le probant témoignage de l'intérêt que les Français de France attachent à l'œuvre de l'éducation indigène en Indochine.*

YVES CHATEL

Administrateur des Services Civils  
Chef de Cabinet du Gouverneur général  
de l'Indochine

ở trong hán-học, vừa cho những bọn tân-tiến học-tập ở các trường tây. Trước sau không hề sai mục-dịch, gặp dịp nào cũng hết sức thi-hành cho tới nơi. Như trong khi chiến-tranh, ông đã có công cò-động, không những ở Đông-dương mà tới cả bên Tàu nữa, sự cò-động ấy thật là qui-hóa vô-cùng, vì đã biết khéo dùng lối văn-chương để cảm những kẻ học-thức ở nước Tàu và nước Nam (1). Tự khi hòa-bình đến giờ, công trước-thuật của ông mỗi một năm một hơn lên, mà thể-cách vẫn đứng-dẫn, giá-trị vẫn cao-nghiêm. Tôi lại ước-ao rằng chuyến này ông đi du-lịch bên Pháp sẽ có nhiều sự kết - quả hay, và theo lệ thường các bạn đọc báo ông đã quen mến cả, khi trở về Hà-nội, thế nào ông cũng soạn một tập du-ký để làm một cái bài học qui-báu cho kẻ đồng-bang.

Lời giới - thiệu này đã dài rồi, tôi không muốn nói nhiều nữa, và không dám lạm-quyền lưu-ý các ngài, để các ngài dễ ý nghe chính lời ông PHẠM QUỲNH diễn-thuyết mới thật có ích-lợi hơn.

Trước khi dừng nói, tôi chỉ xin thay lời quan Toàn-quyền Đông-dương cảm ơn quan Đốc MAX OUTREY đã giúp công qui-báu để tổ-chức nên cuộc diễn-thuyết này, cuộc này sẽ có kết-quả về hai đường, một là khiến cho người nước Pháp biết kẻ thượng-lưu tri-thức ở nước Nam thế nào; hai là tỏ cho người đồng-bang ông PHẠM QUỲNH biết rằng kẻ thượng-lưu tri-thức ở nước Pháp thật có lòng nhiệt-thành muốn thấu-hiểu cái tâm-trí của người Việt-Nam mà nước Pháp đã nhận trách gây-dựng, và chứng rằng người Pháp ở bên Pháp vẫn thường chú-ý đến việc giáo-dục người bản-xứ ở Đông-dương vậy.

YVES CHATEL

Hành-chính-quan ở Đông-dương  
Sung chức Chánh Quân-lý Văn-phòng  
của quan Toàn-quyền Đông-dương

(1) Đây là nói về việc soạn bộ *Ấu-châu chiến-sử*, ông PHẠM QUỲNH cùng làm với ông NGUYỄN BÁ-TRÁC

Mesdames,  
Messieurs,

Nous avons en annamite un proverbe très significatif qui exprime bien l'embarras dans lequel je me trouve en prenant la parole devant vous. Ce proverbe dit « qu'il ne faut pas s'amuser à battre le tambour devant la porte du génie du tonnerre. »

Vous êtes, Mesdames et Messieurs, — métaphoriquement parlant, — les « génies du tonnerre », et je suis le jeune présomptueux qui ose devant vous s'amuser à battre du tambour.

N'ayant aucune habitude de la parole et maniant encore bien imparfaitement la langue française, j'ose parler, et parler en français, devant un auditoire français d'élite !

Mais comme tous les « génies », vous devez être bons et bienveillants. Aussi je fais appel à toute votre indulgence pour excuser d'avance mon inexpérience et mon inhabileté.

J'aurai d'autant plus besoin de cette indulgence que le sujet que j'ai choisi est bien vaste et bien complexe et exige, pour être traité à fond, la perspicacité d'un psychologue et le jugement d'un historien, qualités qu'en toute conscience et modestie je n'ose point m'attribuer.

Bien que j'aie dans mon pays ce qu'on appelle l'honneur de tenir une plume, c'est pour remplir seulement un rôle bien modeste, celui de vulgariser dans ma langue maternelle, de mettre à la portée de mes compatriotes ce que j'ai pu apprendre dans les livres de vos écrivains, de vos savants, de vos philosophes; travail, certes, bien utile, bien nécessaire chez un peuple qui, comme le nôtre, est avide de s'instruire, de s'initier à la culture et à la civilisation modernes, et qui, dans son

Thưa các Quý Phu-nhân,  
Thưa các Ngài,

Tiếng An-Nam chúng tôi có một câu tục-ngữ có ý-vị lắm, tả được rõ sự bối-rối của tôi khi cất tiếng nói trước các ngài. Câu tục-ngữ ấy nói rằng « không nên đánh trống qua cửa nhà sấm ».

Các qui-phu-nhân và các ngài đây, nói bóng tức cũng ví như các « vị thần sấm », mà tôi là chàng thiếu-niên tự-phụ dám ra tay khua trống trước các ngài.

Tôi vốn không quen nói, lại dùng tiếng Pháp cũng còn vụng-về lắm, vậy mà dám nói, lại nói bằng tiếng Pháp, trước một nơi quảng-toạ toàn những người Pháp danh-giá cả !

Song đã gọi là « thần », chắc các ngài có lòng từ-thiện. Vậy nên tôi trông mong ở cái bụng khoan-dung của các ngài để miễn-chấp trước cho tôi vụng-về không quen vậy.

Tôi lại cần các ngài khoan-dung cho hơn nữa, vì cái đầu bài tôi chọn đây nó bao-la phiền-phức lắm, muốn trị che đến nơi, phải có cái trác-kiến một nhà tâm-lý-học, sự phán-đoán một nhà lịch-sử-học, tôi tự xét mình không dám đầu tự-phụ có những tư-cách như thế.

Tôi tuy ở nước nhà cũng gọi là được làm cái danh-dự cầm ngọn bút viết, nhưng chẳng qua là làm một việc nhỏ-mọn, là lược-thuật ra tiếng nước nhà để cho kẻ đồng-bang dễ hiểu những điều đã học được trong sách các nhà văn-sĩ, bác-sĩ, triết-học của qui-quốc ; việc ấy cũng có ích thật, và lại cần cho một dân-tộc như dân chúng tôi, ham học, ham biết những sự văn-minh học-thuật mới, nhưng cái lòng nhiệt-thành cần phải có dẫn-dụ mới khỏi sai đưng; song làm một việc như thế thì cũng ít

enthousiasme, a besoin d'être guidé pour ne pas faire fausse route, mais travail qui offre peu d'occasions d'embrasser de vastes questions d'ensemble, d'étudier les grands problèmes d'histoire et de sociologie.

Si, malgré cette impréparation, cette incompetence, je viens cependant vous parler de l'évolution intellectuelle et morale de mes compatriotes, ce n'est pas dans l'intention de traiter à fond ce sujet si vaste, c'est seulement pour vous faire part de mon opinion, de l'opinion sincère d'un Annamite, sur cette question qui n'a jamais encore été étudiée, si je puis ainsi dire, de notre point de vue. Les témoignages français ne manquent pas, encore qu'ils portent généralement plus sur le côté matériel, économique de notre évolution que sur son côté moral et intellectuel. Mais les témoignages annamites sont fort rares; bien peu de mes compatriotes ont tenté de faire en toute sincérité, sans parti-pris, une esquisse en quelque sorte de l'histoire morale de leur pays depuis l'occupation française. Cette esquisse, je voudrais la faire devant vous avec les faibles moyens dont je dispose.

Ainsi défini le but de cette causerie, j'entre dans mon sujet, en vous priant de vouloir bien excuser ce trop long préambule,

\* \*

Vieux peuple de culture et de civilisation chinoises, les Annamites ont vécu pendant près de vingt siècles dans l'orbite de la Chine, tantôt sous sa dépendance politique, tantôt indépendants, mais subissant toujours son influence intellectuelle et morale. Presque isolés du reste de l'univers, ils n'entretinrent que des relations pour ainsi dire sporadiques avec les autres nati-

có dịp mà bao-quát được những vấn-đề to-tát, nghiên-cứu được những việc lớn về lịch-sử, về xã-hội vậy.

Song dù không có đủ dự-bị, không có đủ tư-cách như thế, mà tôi cũng đến nói đề các ngài nghe về sự tiến-hóa về đường tinh-thần trí-thức của người đồng-bang tôi, là không phải có ý trị đến nơi cái đầu bài to rộng ấy, chẳng qua là bày tỏ đề các ngài biết cái ý-kiến của tôi mà thôi, là ý-kiến thành-thực một người Việt-Nam về cái vấn-đề ấy, là một cái vấn-đề hướng-lai chưa từng ai nghiên-cứu về phương-diện nước chúng tôi bao giờ. Kể ý-kiến của người Pháp thì không thiếu gì, mà thường-thường cũng là chỉ xem sự tiến-hóa của chúng tôi về đường vật-chất, đường kinh-tế, hơn là về đường trí-thức, đường tinh-thần. Nhưng ý-kiến người Việt-Nam thì thật hiếm lắm. Người đồng-bang tôi, ít ai đã từng thành-thực bình-tĩnh mà thử phác-họa một cái bức tâm-lý-lịch-sử của nước mình từ khi nước Pháp chiếm-lĩnh đến giờ. Bức phác-họa ấy, tôi dù không đủ tư-cách, cũng xin thử vẽ ra đây đề các ngài xem.

Nay đã giải cái mục-dịch bài diễn-thuyết này rồi, xin nhập-đề và xin các ngài miễn-chấp cho mấy câu giáo-đầu dài quá như thế.

..

Dân Việt-Nam là một dân-tộc cò theo văn-minh giáo-hóa của Tàu, trong ngót hai mươi thế-kỷ đã sinh-trưởng trong phạm-vi nước Tàu, khi thời ở dưới quyền chính-trị người Tàu, khi thời được độc-lập, nhưng bao giờ cũng chịu ảnh-hưởng nước Tàu về đường tinh-thần trí-thức. Trong bấy lâu hầu như cách-biệt hẳn với các nước khác trên thế-giới, chỉ có giao-thiệp một

ons à partir du 16<sup>e</sup> siècle. Jusque vers la fin du 18<sup>e</sup> siècle, alors que des bateaux portugais, hollandais, français, espagnols abordaient depuis longtemps déjà nos rivages, nos ancêtres n'avaient que des notions bien vagues sur les peuples occidentaux. Le monde, le *thiên-hạ*, — tout ce qui est sous le ciel, — se réduisait pour eux à la Chine, l'Empire du Milieu, avec ses acolytes, le Japon, la Corée, l'Annam, baignés à l'Est par la vaste mer orientale. Plus loin, du côté de l'Ouest, c'était le pays de « *Thiên-trúc* », la patrie de Bouddha, l'Inde. Puis plus loin encore, c'étaient les vagues contrées occidentales peuplées d'hommes plus ou moins sauvages. En somme, ce monde était le « monde chinois », comme en Occident le monde antique était le « monde romain », comprenant tout cet ensemble de peuples du bassin de la Méditerranée conquis ou civilisés par Rome.

Et de fait, la Chine n'a jamais été, ne sera peut-être jamais une « nation » dans le vrai sens du mot, c'était un monde, englobant tous les peuples d'Extrême-Orient de culture et de civilisation chinoises. Son unité était une unité de culture et de civilisation. Entre un Chinois du Nord et un Chinois du Sud, il y a peut-être la même différence qu'entre un Japonais et un Annamite ; ils ne parlent pas la même langue, ils ne se comprennent pas. Mais Annamites et Japonais, Cantonais et Pékinois, Mandchous et Coréens, tous ont, en dépit des différences de race et de mentalité, un fonds de culture commun, dont les caractères chinois sont en quelque sorte le symbole concret. Ils ne parlent pas la même langue ; mais un Chinois du Sud et un Chinois du Nord, comme un lettré coréen et un lettré annamite, se comprennent très bien en conversant, comme ils disent,

cách gián-đoạn với mấy nước bắt đầu tự thế-kỷ thứ 16. Mãi cho đến cuối thế-kỷ thứ 18, hồi bấy giờ những tàu của người Bồ-đào, người Hòa-lan, người Pháp, người Tây-ban-nha ghé ở các bờ biển nước chúng tôi đã lâu rồi, mà các bậc tiền-bổi của chúng tôi lúc ấy hãy còn mơ-hồ chưa biết rõ các nước phương Tây thế nào. Các cụ cho thiên-hạ là chỉ có nước Tàu ở giữa, là « Trung-quốc », với mấy nước nhỏ phụ-thuộc, là nước Nhật-bản, nước Cao-ly, nước Việt-Nam, phía đông giáp biển lớn, là biển Đông-bái. Xa nữa về phía Tây, là cõi Thiên-trúc, đất nhà Phật, tức là Ấn-độ. Rồi lại xa hơn nữa, là các xứ phương Tây mập-mờ, đều là những giống người còn mọi-rợ. Nói tóm lại thì cái thế-giới bấy giờ tức là « Trung-hoa thế-giới », cũng như ở Tây-phương thế-giới đời tiền-cổ là « La-mã thế-giới » gồm cả các dân-tộc trong khu-vực Địa-trung-bái thuộc về La-mã chinh-phục và khai-hóa vậy.

Mà thực, nước Tàu không phải là một « quốc-gia », theo như cái nghĩa chân-chính của chữ ấy, xưa kia vẫn thế, mà có lẽ sau này cũng vậy ; nước Tàu là một cái « thế-giới », gồm tất cả những dân-tộc Á-đông theo văn-minh giáo-hóa của Tàu. Sự thống-nhất của nước Tàu là thống-nhất về đường văn-minh giáo-hóa. Một người Tàu ở Bắc-phương với một người Tàu ở Nam-phương, có lẽ xa cách nhau cũng như người Nhật-bản với người Việt-Nam vậy. Nhưng dù là người Việt-Nam hay người Nhật-bản, người Quảng-đông hay người Bắc-kinh, người Mãn-châu hay người Cao-ly, tuy tính-tình chủng-tộc có khác nhau, mà cũng cùng nhau chung một cái gốc văn-hóa, văn-hóa ấy lấy chữ nho làm cái biểu-hiệu hiển-nhiên vậy. Bấy nhiêu thứ người không nói cùng một thứ tiếng, nhưng mà một người Tàu Bắc-phương với một người Tàu Nam-phương, cũng như một nhà

avec le pinceau (*bút-dám*). Et c'est ainsi que les caractères chinois, comme le latin en Occident, formaient le lien qui unissait entre eux les différents peuples de l'Extrême-Asie.

Celien fut tellement solide qu'il constituait pour le peuple annamite un véritable joug. C'est sous ce joug que nous avons vécu pendant vingt siècles. Tandis que le Japon, par sa situation insulaire, échappait à cette influence oppressante, n'empruntant à la Chine que juste ce qu'il fallait pour éveiller, stimuler ses originalités nationales, notre pays, par son voisinage immédiat de la Chine, par les invasions incessantes des gens du Nord, la subissait si profondément qu'il en perdait pour ainsi dire toute personnalité propre. Ce qu'eût été l'Annam s'il n'eut pas subi à un tel degré l'influence chinoise, nous ne saurions le dire exactement, mais les vestiges qui subsistent dans notre langue, dans nos mœurs et nos coutumes, notamment chez les tribus montagnardes du Haut-Tonkin, autoriseraient toutes les hypothèses.

Quoi qu'il en soit, et bien qu'au point de vue politique le pays d'Annam fût, depuis l'établissement de la première dynastie nationale des Đinh au 10<sup>e</sup> siècle, et malgré quelques invasions mongoles au 13<sup>e</sup> siècle et une courte domination chinoise au 15<sup>e</sup>, pratiquement un royaume indépendant, il n'en était pas moins, pendant tout le cours de son histoire, tributaire de la Chine au point de vue intellectuel et moral.

L'enseignement traditionnel était un enseignement purement chinois, basé sur les quatre classiques et les cinq canoniques. C'était le confucianisme épuré, systématisé des grands com-

nho Cao-ly với một nhà nho Việt-Nam, có thể «bút-dám», là nói chuyện bằng bút, mà hiểu nhau được. Bởi thế nên chữ nho cũng tức như chữ la-tinh ở bên Tây-phương, là cái giấy đề ràng-buộc với nhau các dân-tộc trong cõi Đông-Á vậy.

Cái giấy ấy bền chặt cho đến nỗi đối với dân Việt-Nam nặng nề như một cái ách vậy. Chúng tôi đã sinh-trưởng dưới cái ách ấy trong hai mươi thế-kỷ. Trong khi nước Nhật-bản kia, vì cái địa-thế là một đảo-quốc, không phải cái ách ấy nó đè-nén quá, chỉ mượn của Tàu đủ để mà kêu-giục kích-thích những cái đặc-tính của giống mình mà thôi, khi ấy thời nước chúng tôi vì tiếp-cận ngay với Tàu, thường bị người Bắc-phương xâm-lấn luôn, thành ra phải chịu cái ách ấy nặng quá, đến hầu như mất cả cái tư-cách đặc-biệt một dân-quốc. Nước Nam vì không phải chịu ảnh-hưởng của Tàu quá-độ như thế, thời nước Nam có lẽ ra thế nào, nay không thể biết rõ được, nhưng cứ xét những dấu vết còn lại trong tiếng nói, trong phong-tục của chúng tôi, nhất là ở những dân rừng núi ở mạn ngược xứ Bắc-kỳ, thời cũng có thể ước-đoán ra được.

Dù thế nào nữa, và dù về đường chính-trị nước Việt-Nam từ khi đặt quốc-triều thứ nhất là nhà Đinh về thế-kỷ thứ 10, và trừ mấy lần người Mông-cò sang xâm-lấn về thế-kỷ thứ 13 và một hồi nhà Minh đô-hộ ít lâu về thế-kỷ thứ 15, trước sau vẫn nghiêm-nhiên là một nước độc-lập, song suốt trong lịch-sử vẫn là phụ-thuộc với nước Tàu về đường tinh-thần trí-thức.

Cái cổ-học trong nước là học thuần lối tàu cả, lấy tứ-thư ngũ-kinh làm gốc. Học ấy là cái Khổng-học hẹp-hòi, xếp thành chương-cú, của các nhà chú-thích trừ-danh về đời Tống nước Tàu,



mentateurs de la dynastie chinoise des Song (Tống), en particulier du plus célèbre d'entre eux, le fameux Tchou-Hi, le Saint-Thomas de la scolastique chinoise. Et de fait, c'était un enseignement purement scolastique, comme le fut celui des peuples d'Occident au Moyen-Âge. Il consistait en des commentaires de vieux textes, en des gloses et des exégèses, en des amplifications littéraires sur des sujets déterminés, en des exercices de rhétorique et de mémoire. C'était subtil, c'était compliqué, c'était fastidieux. Aucune ouverture sur la vie et la réalité; du formalisme, du verbalisme, de la rhétorique, de la littérature. Et c'est cet enseignement qui a formé durant des siècles des centaines de générations d'hommes dans notre pays, de ces hommes qu'on appelle des « lettrés », des humanistes, et qui constituaient jusque dans ces derniers temps la seule élite intellectuelle annamite.

La sanction de cet enseignement, ce sont les concours littéraires, ces fameux concours dont vous avez déjà entendu parler et qui sont tant vantés par les auteurs européens comme un des modes les plus rationnels et les plus démocratiques pour choisir les hommes capables de remplir les fonctions publiques. C'est le mode le plus rationnel, parce qu'il paraît exclure toute incompétence, tout favoritisme, et ne laisser entrer dans la carrière que des hommes instruits, c'est-à-dire capables. C'est le mode le plus démocratique parce que n'importe qui, à quelque condition sociale qu'il appartienne, s'il subit avec succès les concours, est admis à remplir les fonctions publiques et susceptible d'atteindre les plus hautes

hiên-hách nhất là ông Chu Hi, có thể gọi là ông Thánh Tô-ma<sup>(1)</sup> của cái cô-học khảo-cứ của người Tàu. Mà thực thể, cái học ấy chính là một cái học khảo-cứ phiến-toái, như cái học của các nước phương Tây về đời Trung-cổ. Học là học chú-thích những sách cổ, học huấn-hỗ, học làm văn suy-diễn về mấy cái đầu bài đã định, học sửa lời văn, học nhớ chữ sách. Thật là huyền-diệu, thật là phiến-phức, thật là chán-ngán. Không có một tí gì là thiết-thực đến sự đời; chỉ có hình-thức, chỉ có danh-từ, chỉ có lời văn, chỉ có câu nói. Ấy chính cái học ấy trong bao nhiêu thế-kỷ đã đào-luyện biết mấy trăm lớp người ở nước chúng tôi, những người gọi là « nhà nho », nghĩa là chuyên-trị về cô-học, từ xưa cho đến mãi gần đây trong nước chúng tôi duy có hạng người ấy là người thượng-lưu trí-thức vậy.

Khảo-sát về sự học ấy thì có cách thi văn-chương gọi là khoa-cử; lối khoa-cử này chắc các ngài đã từng nghe nói, và các nhà làm sách tây tân-dương cũng đã nhiều, cho là một cách rất chánh-đáng, rất bình-đẳng để kén chọn những người có tư-cách đương việc nước. Cho là cách rất chánh-đáng, vì tựa-hồ như không dung được kẻ bất-tài, không dung được sự thiên-vị, chỉ để cho những người có học-thức, nghĩa là có tư-cách, mới được vào quan-trường. Cho là cách rất bình-đẳng, vì bất-cứ người nào, dù thuộc về nhân-đẳng nào mặc lòng, nếu thi đỗ được là tiện-thị được bổ quan-chức và có thể lên tới những bậc quan sang chức trọng. Cứ thực ra thì cách khoa-cử ấy là một cách của kẻ quân-chủ

(1) Ông Thánh Tô-ma là một nhà thần-học trứ-danh của đạo Thiên-chúa về thế-kỷ thứ 13. Ông có chú-thích các thánh-kinh và làm sách biện-nạn giải nghĩa về giáo-lý nhiều lắm.

positions. En réalité, c'est une utilisation abusive, une exploitation au profit de l'autocratie des principes du confucianisme, c'est un puissant instrument de domination entre les mains des rois et c'est, au point de vue intellectuel, le plus formidable asservissement de l'intelligence qu'on ait jamais connu dans l'histoire de l'humanité. Car le confucianisme, non content d'être une morale et une philosophie, veut être surtout une politique, la seule politique capable de rendre les hommes heureux sous un gouvernement patriarcal et dans les cadres immuables d'une société fortement hiérarchisée. Cette politique est basée sur ce qu'on appelle les « cinq relations cardinales » : relations entre prince et sujet, entre père et fils, entre époux et épouse, entre frères, entre amis. La plus importante, la plus fondamentale de ces cinq relations est celle qui concerne le prince et ses sujets. Le prince est le pivot de la nation. Il reçoit son mandat du Ciel et n'a de compte à rendre qu'au Ciel. Il doit assurer le bonheur de son peuple qui lui doit tout : sa vie, ses biens, son honneur, une obéissance absolue, un loyalisme à toute épreuve. C'est, en somme, la théorie de la monarchie de droit divin dans son absolutisme le plus intégral. Dans le confucianisme primitif, cette théorie est atténuée par une conception quelque peu mystique du rôle du prince et des droits du peuple. Le prince, ai-je dit, doit assurer le bonheur de ses sujets ; il n'a aucun compte à rendre à ces derniers, mais il est responsable vis-à-vis du Ciel, puissance omnipotente et omniprésente de qui il tient sa mission de gouverner les hommes. Pour bien remplir cette mission, il doit être un « sage », c'est-à-dire un être parfait au double point de vue de la vertu et de l'intelligence. S'il forfait à cette mission, le

chuyên-chế lạm-dụng quá-dáng cái tôn-chỉ của đạo Khổng để làm lợi cho quyền-thế mình, là một cái lợi-khi áp-chế rất mạnh ở trong tay kẻ vua chúa, và về đường trí-thức thực là một cách nô-lệ tinh-thần người ta rất đỗi, tương trong lịch-sử nhân-loại không đâu thấy như vậy. Vì đạo Khổng không muốn làm luân-lý, làm triết-học mà thôi, lại thứ nhất là muốn làm chính-trị, cho là chỉ có phép chính-trị của mình mới đủ làm được cho người ta sung-sướng, sinh-trưởng ở trong một xã-hội có trật - tự vững-vàng chính-đốn và dưới quyền những vua quan coi dân như con đò. Phép chính-trị ấy lấy « ngũ-thường » làm gốc : quân-thần, phụ-tử, phu-phụ, huynh-đệ, bằng-hữu. Trong ngũ-thường ấy, đạo quân-thần là hệ-trọng, là cốt-yếu hơn cả. Ông vua là cái trụ-cốt trong nước. Chịu mệnh tự Trời và chỉ có trách với Trời. Phải trông nom cho dân được sung-sướng, và dân là hết thảy nhờ vua cả : sinh-mệnh, tài-sản, danh-dự là tự vua cho mới được, và phải phục-tòng vua một cách tuyệt - đối, phải trung-thành với vua cho đến đảo-dề. Nói tóm lại thì lối quân-chủ ấy là lối « thiên-mệnh quân-chủ », thuộc về thể chuyên-chế hoàn - toàn. Trong đạo Khổng hồi đầu, cái thuyết ấy còn có một cái quan-niệm hơi thần-bi về chức-vụ ông vua và quyền-lợi người dân nó hạn-chế một đôi chút. Tôi đã nói rằng vua phải mưu sự hạnh-phúc cho dân ; đối với dân không có trách-nhiệm gì, nhưng có trách với Trời là một cái sức mạnh toàn-năng biến-tại, tự đó mà được cái mệnh cai-trị người ta. Cho được làm trọn cái thiên-mệnh ấy, phải là người « quân-tử », nghĩa là một đứng hoàn-toàn vừa về đường đạo-đức, vừa về đường trí-thức. Nếu làm trái cái mệnh ấy thì Trời báo điềm hiềm - nhiên cho mà biết, là giáng những sự thiên-tai, như lụt, hạn, dịch,

ciel lui envoie des avertissements non équivoques qui consistent en des calamités publiques, comme l'inondation, la sécheresse, les épidémies, la famine. Dans ce cas, le peuple a le droit de manifester son mécontentement, de s'insurger contre l'autorité du prince, de le déposer, de le remplacer par un autre. Ce droit du peuple, dans les écrits de Mencius, le plus célèbre disciple et continuateur de Confucius, est même poussé assez loin pour devenir une sorte de souveraineté du peuple. D'après Mencius, c'est le peuple lui-même qui est souverain ; le prince n'est que son délégué en vertu d'un mandat tacite qui se confond avec le mandat du ciel. « Ce que le peuple veut, le Ciel le veut, » dit-il.

Ce confucianisme primitif qui s'adaptait bien à l'état social et politique de la Chine au moment où vécut Confucius, se trouva par la suite peu à peu dévié de sa véritable signification et exploité par des rhéteurs au profit de quelques familles qui réussirent à s'emparer de la Chine et à y régner en maîtresses. Depuis lors, il devint une sorte de religion d'État, dont les prêtres étaient ces mêmes rhéteurs qui en avaient posé les bases et qui l'entretenaient au profit des dynasties successives. Cette religion d'absolutisme politique et de despotisme intellectuel fut définitivement fondée par les philosophes de la dynastie des Song, en particulier par ce fameux Tchou-Hi dont je viens de vous parler. En même temps, les prêtres en devenaient de plus en plus nombreux, puisqu'ils avaient toutes les faveurs de la dynastie dont ils étaient les soutiens, et formaient une classe analogue à celle des brahmanes dans l'Inde : la classe des lettrés, c'est-à-dire des hommes versés dans les écritures saintes que sont les caractères chinois, et dans les livres sacrés

dois. Gặp khi như thế thì dân có quyền tỏ sự bất-bình, phản-đối với quyền vua, phế vua đi, thay vua khác. Trong sách ông Mạnh-tử, là học-trò trứ-danh kế-nghiệp ông Khổng-tử, cái thuyết về quyền dân ấy đã sựu-diễn tới bậc hậu thành như một cái thuyết dân-chủ. Theo ông Mạnh-tử thì chính dân là chủ trong nước ; vua chẳng qua là người thay quyền dân do một cái ước ủy-nhiệm cũng lẫn với cái mệnh của Trời vậy. Ông đã có câu rằng : « Lòng dân muốn, ấy là lòng Trời muốn. »

Cái đạo Khổng hồi đầu ấy thật thích-hợp với tình-thế về xã-hội và về chính-trị nước Tàu lúc sinh-thời đức Khổng-tử ; sau dần dần mỗi ngày một sai cái chính-nghĩa đi, bị những kẻ văn-sĩ lợi-dụng cho mấy họ cô quyền-thế xâm-chiếm được nước Tàu và làm vua trong nước. Từ đấy, đạo Khổng nghiêm-nhiên thành một cái quốc-giáo mà bọn giáo-sư chính là bọn văn-sĩ kia đã gây-dùng ra đạo ấy và từ nay phụng-sứ đề-phò cho các triều vua kế-tiếp nhau ở nước Tàu. Đạo ấy chính là một cái đạo chuyên-chế về đường chính-trị, áp-chế về đường tri-thức, đến các học-giả về đời Tống, nhất là từ ông Chu Hi tới vừa nói trên kia, mới thật là thành cơ-sở. Đồng-thời thời bọn giáo-sư kia mỗi ngày một nhiều mãi ra, vì đã ra sức phò cho nhà vua, nên được hưởng ơn-huê của nhà vua nhiều, và lập-thành một hạng người riêng, giống như hạng « Bà-la-môn » ở Ấn-độ ; hạng ấy gọi là hạng « nhà nho », nghĩa là những người lâu-thông chữ thánh là chữ nho, sách thánh là kinh-truyện. Những người ấy tựa-hồ như có cái chuyên-quyền về quan-chức, có thể

que sont les Classiques et les Canoniques. Ces hommes avaient accès à tous les emplois publics dont ils détenaient en quelque sorte le monopole ; mais leur nombre augmentait si vite qu'il fallut instituer un mode de recrutement qui offrit à l'Etat, c'est-à-dire à la dynastie régnante, les meilleures garanties en ne laissant entrer à son service que des sujets reconnus pour leur orthodoxie et leur loyalisme. C'est ainsi que furent créés les concours littéraires ; et c'est ainsi que prit naissance le « mandarinat » qui était la classe des « lettrés parvenus », tandis que les autres étaient des « aspirants mandarins » ou des « mandarins en expectative ». Car tout ce système se réduisait en fin de compte à un vaste fonctionnarisme. Tout homme qui se respectait devait cultiver les lettres, la classe des lettrés étant la première des quatre conditions sociales : lettrés, agriculteurs, artisans, commerçants (*sĩ, nông, công, thương*). Et tout lettré, digne de ce nom devait aspirer, en subissant avec succès les concours, à remplir un jour des fonctions publiques, à être mandarin. C'est là le rêve que faisait tout bon père de famille quand il envoyait son fils chez le *thầy-dồ*, le maître de caractères chinois du village ; c'est là le rêve que faisait tout bambin en commençant à anôner les premiers caractères du *Tam-tự-kinh* ; et c'est là le rêve que faisaient tous ceux, jeunes ou vieux, — car il n'y avait pas d'âge pour les études et on voyait des candidats aux concours âgés de soixante ans et plus, — qui, tous les trois ans, se pressaient dans le vaste « camp des lettrés » de Nam-định, leur literie sur le dos.

Tout ce que le pays d'Annam comptait d'élite a vécu pendant des siècles sous ce régime déprimant, oppressif des concours et du mandarinat. Com-

bồ-dụng các chức được ; nhưng mà số mỗi ngày mỗi tăng lên mau quá, đến nỗi phải đặt ra một cách tuyển-cử thế nào cho đủ thế dự-phòng cho quốc-gia, nghĩa là cho triều-đình đương-thời, chỉ cho những kẻ nào thành-tín với đạo, trung-thành với vua, mới được vào lĩnh quan-chức của nhà vua. Ấy khoa-cử bởi đó mà đặt nên, quan-trường cũng bởi đó mà gây ra, mà quan-trường ấy tức là bọn nhà nho đã thành-đạt, còn nhà nho ấy chính là bọn quan-lại còn chức chân vậy, vì cả cái chế-độ học-hành thi-cử này rút lại chẳng qua là một cái « quan-liêu chế-độ » lớn mà thôi. Người nào biết tự-trọng thời phải học văn, bọn văn-học là đứng đầu trong tứ-dân : sĩ, nông, công, thương. Mà người văn-học xứng-đáng là phải mong cho thi đỗ, rồi có ngày được làm quan. Người cha nào cho con đi học ở thầy đồ dạy chữ nho trong làng cũng mơ-mộng cho con như thế ; đưa trẻ con nào lúc mới bập-bẹ học mấy câu *Tam-tự-kinh* cũng mơ-màng có ngày được như thế ; và hết thấy những người, bất-cứ già trẻ, — vì học không có tuổi nào cả, có người sáu-mươi tuổi hay hơn cũng còn đi thi, — mỗi ba năm xô nhau ở trường thi Nam-định, lều gong trên vai, cũng mơ-mộng như thế cả.

Bao nhiêu những người gọi là bậc thượng-lưu ở nước Nam trong mấy mươi thế-kỷ đã sinh-trưởng trong cái chế-độ nặng-nề ập-ức ấy, là cái chế-

bien d'intelligences furent gaspillées par ce système absurde d'éducation où la lettre primait l'esprit, où le rite tuait la vie, où toute création de l'intelligence, toute initiative de pensée se réduisait à des formules, à des clichés, à des poncifs ! Tandis que le Japon qui devait également à la Chine les éléments de sa culture, mais ne lui empruntait ni son système de concours, ni son institution du mandarinat, a réussi au cours des siècles à se créer une langue, une littérature, un art nationaux, l'Annam n'a guère fait que copier la Chine, n'a jamais rien produit d'original dans aucune branche de l'activité intellectuelle et artistique. Nos lettrés qui consacraient toute leur vie à cultiver une langue morte, les caractères chinois, ont complètement délaissé leur idiome national, si harmonieux, si riche, si souple, si remarquable à tant d'égards ! Eux qui s'honoraient d'avoir parmi eux tant d'écrivains et de poètes, — des poètes et écrivains en langue chinoise qui, à l'exception de quelques-uns, ne furent après tout que d'habiles pasticheurs, des « forts en thème », si je puis ainsi dire, — ne comptaient pas un seul écrivain, un seul poète en langue nationale. Il n'y eut qu'une exception au cours de notre longue histoire, une exception ou plutôt un accident : au début du 19<sup>e</sup> siècle, un lettré se mit à écrire en annamite, et il a produit un pur chef-d'œuvre, un chef-d'œuvre qui fut une révélation, puisqu'il révélait les richesses infinies de notre langue nationale. Encore ce chef-d'œuvre, le *Kim-Vân-Kieu*, — la *Mireille* d'un *Mistral* annamite, — fut-il longtemps méconnu, et n'a-t-il été apprécié à sa véritable

độ khoa-cử và chế-độ quan-liêu. Biết bao nhiêu nhân-tài bị lãng-phí bởi cái cách giáo-dục vô-lý đó, lấy cái tử-văn mà đoạt cái tinh-thần, lấy điều lễ-nghi mà diệt sự sinh-hoạt, khiến cho trí-tuệ người ta sáng-nghĩ được cái gì, tư-tưởng người ta phát-khởi được điều gì, biến thành ra những lời khẩu-đầu, những bài văn sáo, những câu trần-hủ cả ! Nước Nhật-bản kia cũng nhờ văn-hóa của Tàu, nhưng không mượn lối khoa-cử và lối quan-trường của Tàu, cho nên đời nọ qua đời kia, đã gây dựng ra thành ngữ-ngôn, văn-tự, mỹ-thuật riêng một nước, đến như nước Việt-Nam thời chỉ biết chép của Tàu, không hề sản-xuất được cái gì là đặc-sắc trong các ngành học-thuật mỹ-thuật. Nhà nho chúng tôi cả đời học-tập một thứ tử-văn là chữ nho, đến tiếng quốc-âm của mình thì nhặng bỏ hẳn, mà tiếng quốc-âm ấy cũng êm-ái, cũng phong-phú, cũng mềm-mại, cũng hay cũng đẹp, chớ phải không ! Chính mình tự-phụ là làm thơ làm văn giỏi, — thơ văn bằng chữ Tàu cả, trừ giảm ba người lỗi-lạc, còn thời rút lại chẳng qua là những tay « phóng » giỏi, như tiếng Pháp gọi là những « trạng giỏi *thème* » (bằng la-tinh), — vậy mà không có một người nào là làm thơ làm văn bằng tiếng quốc-âm của mình. Trong một cuộc lịch-sử lâu dài như lịch-sử nước chúng tôi, chỉ mới đặc-biệt có một người, đặc-biệt hay là tinh-cờ thì phải hơn ; về đầu thế kỷ thứ 19, có một ông nhà-nho bắt đầu viết bằng tiếng quốc-âm mà làm nên một nền văn-chương tuyệt-tác, thật là một sự phá - thiên - hoang, vì là tỏ rạng được hết những cái tinh-t túy vô-cùng của tiếng quốc-âm chúng tôi. Tuy vậy mà nền văn - chương tuyệt-tác ấy, — tức là truyện *Kim-Vân-Kieu*, có thể ví như một truyện *Mireille* của một ông *MISTRAL* nước Nam, — lâu mãi có mấy người biết đầu, gần

valeur qu'en ces derniers temps, grâce au renouveau de la langue annamite sous l'influence de la culture française.

Tel fut le bilan de près de vingt siècles de domination chinoise, domination spirituelle, bien plus dure, bien plus oppressive que toute domination politique. Notre peuple qui n'était pas sans vitalité, puisqu'il a colonisé toute la presqu'île indochinoise aux dépens d'autres peuples au moins aussi énergiques, comme les Chams et les Khmers, eut cette extraordinaire et malheureuse destinée de vivre à proximité d'un voisin puissant de beaucoup supérieur à tous les points de vue, puisqu'il avait le nombre et possédait une des civilisations les plus vieilles de la terre. Ce voisin avait d'abord essayé de nous imposer sa domination ; faibles et à peine organisés, nous fûmes obligés de la subir pendant neuf cents ans, nous sans, à des intervalles plus ou moins rapprochés et pendant des périodes plus ou moins longues, nous insurger contre la tyrannie des gouverneurs qu'on nous envoyait et réussir à nous emparer momentanément du pouvoir. Finalement, nous parvîmes à chasser les envahisseurs, à recouvrer notre indépendance et à constituer cette glorieuse lignée des dynasties nationales qui ont réalisé l'unité annamite et fait la grandeur du pays d'Annam. Mais, soustraits à la domination politique de la Chine, nous n'en demeurions pas moins sous sa domination morale, domination qui eut pour résultat, comme je viens de vous l'exposer, de tuer toutes nos originalités nationales, de faire de notre pays, au point de vue intellectuel et moral, quelque chose comme une pâle image de la Chine. Par le système d'éducation, par le mode de concours dont j'ai parlé plus haut, l'élite intellectuelle, la classe dirigeante de la nation a fait maintenant dans une servitu-

đây nhờ có ảnh-hưởng của tây-học mà tiếng Việt-Nam được phục-hưng lên, mới có kẻ thường-giám mà biết cái chân giá-trị.

Ấy cái sổ kết-toán gần hai mươi thế-kỷ chuyên-chế của người Tàu tinh lại được như thế đó, chuyên-chế về tinh-thần lại còn nặng-nề, áp-ức hơn là chuyên-chế về chính-trị nhiều. Dân-tộc chúng tôi không phải là không có khí-phách, vì chính người chúng tôi đã từng tranh-dành với những giống người khác cũng mạnh-mẽ chẳng kém gì, như giống Chiêm-thành, giống Chân-lạp, mà thực-dân được khắp cõi bán-đảo Đông-dương này ; nhưng phải cái số-mệnh kỳ-ác, là sinh-trưởng ở ngay tiếp-giáp một kẻ láng-giềng mạnh, nó hơn mình đủ đường, vì nó vừa có cái số nhiều mà lại vừa có một cái văn-hóa cổ nhất trong hoàn-cầu. Kẻ láng-giềng ấy trước nhất nó kiếm cách bắt chúng tôi phải chịu quyền thống-trị ; chúng tôi còn hèn-yếu, chưa có thể-thống-gi, nên phải chịu trong chín trăm năm, trong khoảng ấy không phải là không có nhiều đoạn, khi chóng khi lâu, dấy lên phản lại cái hà-chính của bọn đó-hộ Tàu sai sang, và cũng có khi trong nhất-thời chiếm-doạt lại được cái chủ-quyền trong nước. Đến sau cùng thời chúng tôi đuổi được giống xâm-lược, phục được quyền độc-lập, gây dựng được một giòng quốc-triều về-vang đã có công đề-tạo cho nước Nam được thống-nhất và làm cho cả sáng tên Việt-Nam. Nhưng mà dẫu thoát được cái quyền chuyên-chế về chính-trị của nước Tàu, mà chúng tôi vẫn còn thuộc cái quyền chuyên-chế về tinh-thần, sự chuyên-chế ấy kết quả như trên kia tôi đã nói, làm cho tiệt-diệt cả cái quốc-túy của chúng tôi, khiến cho nước chúng tôi về đường tinh-thần tri-thức khác nào như một cái ảnh mờ của nước Tàu vậy. Bởi cách giáo-dục, cách thi-cử như tôi đã nói ở trên, bọn thượng-lưu tri-thức, bọn có trách hướng-đạo

de profonde, dans la contemplation béate du passé glorieux du Céleste Empire, qui la rendait indifférente à tous les grands courants de pensée qui agitent l'humanité depuis les temps historiques. Cette léthargie, ce sommeil séculaire, qui ressemble au *nirvâna* bouddhique, dura jusque dans la seconde moitié du 19<sup>e</sup> siècle, alors que l'escadre du commodore PEARY mouillait déjà dans les eaux japonaises, que les bateaux étrangers sillonnaient la mer de Chine et s'arrêtaient devant Tourane, que le monde jaune tout entier se réveillait au frisson nouveau de la vie moderne.

Pour montrer combien profonde fut l'ignorance des hommes qui dirigeaient à cette époque les destinées de notre pays, il suffit de vous citer ce fait typique. Il y eut alors un lettré catholique qui, par ses rapports, avec les étrangers et en particulier les missionnaires, avait quelques notions sur l'état du monde et la puissance des peuples occidentaux. Voyant l'état d'isolement dans lequel se trouvait notre pays et les dangers qui le menaçaient, il présenta à l'Empereur Tự-Đức un mémoire engageant la Cour à entrer en relations avec les puissances occidentales, à envoyer en Europe des missions d'études pour s'enquérir des progrès réalisés dans les sciences et les arts, dans les machines et autres inventions modernes. Le mémoire fut soumis au Conseil des ministres qui tous le repoussèrent comme un sacrilège, blâmant l'auteur d'avoir osé présenter à l'Empereur de telles divagations. Jamais le grand Empire d'Annam ne s'abaisserait à entrer en relations avec les peuples barbares d'Occident ! Pour peu, l'auteur eût été puni du crime de lèse-majesté ! Et cela se passait aux environs de 1860.....

(à suivre)

PHẠM QUYNH

cho quốc-dân, như bị giam-hãm trong cái vòng nô-lệ thâm-trâm, chỉ biết ngửa mặt mà sùng-bái cái lịch-sử vẻ-vang của Trung-quốc, không biết lắng tai mà nghe thấu những cái phong-trào tư-tưởng lớn nó lay-động loài người từ đời có sử-sách đến nay. Giấc ngủ mơ-màng trong bao nhiêu trăm năm đó, khác nào như cõi « nát-bản » của nhà Phật, mãi đến nửa sau thế-kỷ thứ 19, vẫn chưa tỉnh, bấy giờ hạm-đội của thủy-soái PEARY nước Mỹ đã vào đóng trong hải-phận nước Nhật-bản rồi, các tàu ngoại-quốc đã tung-hoành trong bể Nam-hải và đậu ngay ở trước cửa Hàn, cả thế-giới giống da vàng đã rùng mình thức dậy để đón lấy cái phong-trào sinh-hoạt mới đời nay.

Muốn cho biết những người cầm vận-mệnh nước chúng tôi hồi bấy giờ ngu-dốt là dường nào, xin kể một việc sau này đủ tiêu-biểu. Hồi ấy có một người nho-sĩ có đạo Gia-tô, vì giao-thiệp với người ngoại-quốc, và thứ nhất là các cố-đạo, nên cũng thiệp-liệp biết cái tình-thế trong thiên-hạ và các sức mạnh của các nước phương Tây. Thấy tình-thế nước nhà cô-độc một mình, biết rằng có sự nguy-hiểm đến nơi, bèn dâng sớ cho vua Tự-Đức xin Triều-đình giao-thiệp với các nước Tây, phái người đi du-học bên Âu-châu để điều-tra những sự tiến-bộ về khoa-học nghệ-thuật, về máy-móc và các sự chế-tạo đời nay. Sớ đệ cho Triều-nghị, các quan triều-thần bác đi như một sự quái-gở, lại quở người dâng sớ là dám tâu Hoàng-đế những lời cuồng dại như thế. Có bao giờ nước Đại-Nam lại thêm hạ mình giao-thiệp với những giống di-dịch phương Tây ! Chỉ một tí nữa là phải tội-phạm-thương ! Mà việc ấy là vào khoảng năm 1860...

(Còn nữa)

# Le Centenaire de Pasteur

(Circulaire de M. le Directeur de l'Instruction publique  
aux Directeurs des Ecoles en Indochine)

## Lễ Bách-niên kỷ-niệm ông Pasteur

(Dịch lời chu-tri của quan Học-chánh Giám-đốc gửi cho  
các ông Đốc các trường ở Đông-dương)

La France et toute l'Humanité civilisée célébreront le 27 Décembre 1922, le premier centenaire de la naissance de Pasteur.

Il importe que nos élèves soient associés à cette commémoration reconnaissante. Rien, en effet, n'a plus de vertu que l'exemple des grands hommes pour ouvrir l'âme des enfants et des jeunes gens au beau et au bien, susciter en eux les généreux enthousiasmes, leur inspirer une confiance virile dans la vie énergique et conquérante.

Je vous prie donc de vouloir bien inviter le personnel placé sous votre autorité à consacrer, dans chaque classe, le matin du 27 Décembre, ou, si le jour est inclus dans les congés de Noël et du nouvel an, dans la dernière classe qui le précédera, une leçon, ou plutôt une causerie, à la fois précise et émue, à l'œuvre glorieuse de Pasteur, et à sa vie exemplaire.

Nos élèves savent tous que Pasteur a vaincu la rage ; mais il a vaincu, avant elle, bien d'autres fléaux. Il a sauvé par l'antisepsie les malheureux opérés, dont les plaies, avant lui, s'infectaient. En découvrant les causes de la maladie des vers à soie, il a arraché le Midi de la France à la ruine ; il a vaincu le charbon du mouton, qui décimait les troupeaux de la Beauce... Pasteur apparaît ainsi comme un Génie sauveur de vies et créateur de richesses, auquel ce pays eût élevé des autels.

Ngày 27 tháng 12 năm 1922 này, nước Pháp và cả nhân-loại văn-minh sẽ làm lễ bách-niên kỷ-niệm ngày sinh-nhật ông PASTEUR lần thứ nhất.

Cần phải cho học-trò các trường ta cũng được dự phần vào sự ghi-nhớ ơn-nghĩa đó. Vì không có gì hay bằng cái gương những danh-nhân để khái-phát cho bọn con trẻ và kẻ thanh-niên cái lòng yêu mến sự đẹp sự lành, xui-giục cái bụng hưng-khởi cao-thượng và khiến cho biết quả-quyết tin cậy ở cái sức mạnh-bạo tinh-tiến ở đời.

Vậy tôi xin các ngài bảo những giáo-chức ở dưới quyền ngài mỗi lớp đến buổi sáng ngày 27 tháng 12, hay là nếu ngày ấy thuộc vào ngày nghỉ lễ Noël hay lễ Tết thời đến buổi trước ngày nghỉ, cho học-trò một bài học hay một bài giảng, vừa cho đúng mà lại vừa có giọng cảm-động, về cái công-nghiệp vẻ-vang và cái đời đáng mô-phạm của ông PASTEUR.

Các học-sinh ta đều biết cả rằng ông PASTEUR đã tìm được cách trị bệnh chó dại ; nhưng mà trước bệnh ấy còn trị được nhiều cái tai-hại khác nữa. Ông xướng ra phép trừ-độc mà cứu được những người phai chịu mổ-cắt, trước kia vết thương nhiễm-độc khó lòng khỏi được. Ông lại tìm ra căn-nguyên bệnh con tằm mà cứu cho phía Nam nước Pháp khỏi sa-sút ; ông lại tìm cách trị được bệnh « ung » cứu, trước kia làm hại biết bao nhiêu chiến cứu ở xứ Beauce... Như vậy thời ông PASTEUR có khác gì một vị thần cứu cho người được sống, tăng cho của thêm nhiều, giá ở nước này thì chắc đã có dựng đền thờ vậy.



Mais que le maître montre ensuite à ses élèves que le travail seul a permis ces découvertes et ces victoires. Quel travail inlassable, sévère et passionnant, qui s'ouvre peu à peu les secrets de la nature et atteint ses forces les plus insaisissables ! Pasteur, dans ses laboratoires, a cherché, cinq ans, les causes de la maladie du ver à soie, quatre ans, celles du charbon des moutons, poursuivi quatre ans ces travaux sur la rage.

Mais voici le prix du travail. La mortalité par la rage, de 16 pour 100, son minimum, tombe au-dessous de 1 pour 100. Impossible d'évaluer en chiffres la prospérité que les découvertes de Pasteur ont valu à la France. Mais notre industrie de la soie est sauvée, mais le charbon est vaincu, qui tuait leurs moutons, chaque année, aux propriétaires de la Beauce pour une somme atteignant parfois vingt millions. Que l'on compte maintenant, si l'on peut, les morts, les douleurs, que ce Génie épargne à l'homme, à l'enfant, à la mère... Et que l'on considère enfin la gloire pure que de telles découvertes apportent à la Patrie !

Le maître ne manquera pas, profitant de cette revue glorieuse, de montrer à ses élèves la nécessité pour un pays éclairé de donner aux savants les moyens de poursuivre leurs expériences et leurs recherches. Les patientes études, si délicates, si minutieuses, qui pourraient parfois sembler inutiles à qui ne voit que les apparences, sont la semence d'où la découverte enfin germe et fleurit, pour la beauté du champ tout entier et la richesse de la récolte.

Et l'on peut voir s'élargir le champ miraculeux. Les élèves de Pasteur, maîtres à leur tour, découvrent, sui-

Nhưng thầy giáo giảng thê rồi cũng phải chỉ cho học trò biết rằng ông phát-minh được như thế, đắc-thắng được như thế, chỉ là bởi cái công-phu của ông mà thôi. Công-phu bất-quyên, nghiêm-nhật, mà hăng-hái biết bao nhiêu, dần dần khám-phá được những sự bí-mật của Tạo-vật, thấu tới được những cái sức mạnh rất tinh-tế của Tạo-vật ! Ông PASTEUR trong 5 năm nghiên-cứu trong phòng thí-nghiệm mới tìm thấy căn-nguyên bệnh con tằm, bốn năm mới tìm thấy căn-nguyên bệnh « ung » cừu, lại bốn năm xét nghiệm về bệnh chó dại.

Nhưng cái kết-quả của công-phu ấy là như thế này. Số người chết về bệnh chó dại trước kia ít nhất là 16 phần trăm, bây giờ xuống dưới 1 phần trăm. Còn những sự phát-minh của ông PASTEUR làm lợi-lộc cho nước Pháp được bao nhiêu, thời không thể tính ra số được. Nhưng mà nghề tơ lụa đã cứu được khỏi nạn, bệnh ung giết hại giống cừu, trước làm cho dân nuôi cừu ở xứ *Beauce* mỗi năm thiệt có tới hai-mươi triệu, nay đã trị được... Lại những sự chết-tróc, sự đau-khổ mà ông phúc-thần ấy giữ được cho người lớn, trẻ con, đàn bà thai-sản, biết số nào mà kể cho được. . . Sau nữa, những sự phát-minh rực-rỡ như thế, thử nghĩ làm cho Tò-quốc danh-giá về-vang biết bao nhiêu !

Trong khi lịch-thuật những sự-nghiệp về-vang như thế, thầy giáo cũng phải nhớ chỉ cho học-trò biết rằng một nước văn-minh cần phải cấp cho các nhà bác-học có đủ phương-kế mà theo đuổi sự thí-nghiệm tìm-tòi. Những sự nghiên-cứu nhỏ-nhất tinh-tế, người nào chỉ xem bề ngoài có khi cho là vô-ích, mà thực chính là cái mầm mọc lên, nảy ra sự phát-minh, làm cho cả cánh-đồng được tốt đẹp, làm cho khi thu-hoạch được phong-đăng.

Mà cái cánh-đồng kỳ-diệu kia ngày một trông thấy mở rộng ra. Học-trò ông PASTEUR sau cũng nên danh-sư cả, theo

vant les voies et les méthodes pasteurienues : ce sont les découvertes de Roux sur la diphtérie, de Yersin sur la peste... Mais nos élèves les connaissent : l'Institut Pasteur de France n'est plus seulement à Paris ; sans parler de l'étranger, il est chez nous à Saïgon, à Nha-trang, où 452 personnes ont été traitées l'an dernier contre la rage, où nos laboratoires préparent tous les vaccins humains contre la peste, le choléra, la fièvre typhoïde ; à l'Institut antirabique de Hanoï qui est intervenu, en 1922, dans 157 cas. Montrons à nos élèves cette propagation à travers le temps et l'espace de la science conquérante, la force d'expansion indéfinie de la pensée et du travail !

« Du plus loin qu'il me souvienne de ma vie d'homme, disait Pasteur — il avait alors soixante ans — aux étudiants de l'Université d'Edimbourg, je ne crois pas avoir abordé jamais un étudiant sans lui dire : Travaille et persévère ; le travail amuse vraiment, et seul il profite à l'homme, au citoyen, à la Patrie ». La vie de Pasteur illustre superbement cette simple et lumineuse parole.

J'aimerais qu'ensuite, à la lueur même de cette gloire, le maître en fit voir la modestie, et que modestie et simplicité sont les marques de l'intelligence supérieure et la parure la plus pure du Génie. Qu'il y joigne la désintéressement, qui était, chez Pasteur, la forme la plus délicate de son amour de l'humanité et de sa subordination totale à la Patrie. « Si la science n'a pas de Patrie, disait-il à l'inauguration de l'Institut Pasteur, l'homme de science doit en avoir une, et c'est à elle qu'il doit reporter l'influence que ses travaux peuvent avoir dans le monde ». Il lui reportait tout, et non point seulement l'honneur. Lui, qu'une seule de ses découvertes, dont il eût daigné prendre le brevet, eût enrichi à

những đường-lối phương-pháp của ông mà cũng phát-minh được như ông : như ông ROUX tìm về bệnh « bạch-hầu », ông YERSIN tìm về bệnh dịch-hạch... Nhưng mà những tên kỹ học-trò ta đã biết cả rồi: « Viện Pasteur nước Pháp » không phải chỉ ở Paris mà thôi ; không nói nước ngoài, ở đây có viện Sài-gòn, viện Nha-trang, năm ngoái chữa được 452 người mắc bệnh chó dại, lại có những phòng thí-nghiệm chế các thuốc tiêm trị bệnh dịch-hạch, dịch tả, sốt-rét độc, v.v ; viện chữa bệnh chó dại ở Hà-nội, trong năm 1922 có chữa 157 người. Ta nên chỉ cho học-trò biết sự học tinh-tiến có cái sức truyền-bá ra khắp thời-gian không-gian, và tư-tưởng công-phu người ta có cái sức bành-trướng vô-cùng vậy !

Ông PASTEUR hồi 60 tuổi diễn-thuyết cho học-trò trường Đại-học Edimbourg có nói rằng : « Trong một đời tôi, dù tôi hồi-tưởng xa tới đâu, tưởng không có bao giờ gặp một người học-sinh mà không bảo rằng : Nên ra công, nên kiên-nhẫn ; sự công-phu thật có khoái-lạc, mà duy có công-phu mới có ích cho người, cho dân, cho nước. » Lời nói giản-dị mà sáng-suốt như thế, một đời ông PASTEUR thật đã làm minh-chứng vậy.

Tôi lại muốn cho thầy giáo sau khi ngợi khen cái vinh-dự rực-rỡ ấy, tỏ cho học-trò biết sự khiêm-tốn ở trong, cho hay cái đức khiêm-nhượng, cái tính dễ-dàng là biểu-hiệu của người đại-trí và là cái văn-vẻ rất thanh-cao của kẻ thiên-tài. Lại thêm cái lòng vô-tư-kỷ, ở ông PASTEUR thời chính là cái vẻ tinh-hoa của lòng yêu nhân-loại và tận-thân qui-hiến cho quốc-gia. Ngày lễ khánh-thành viện Pasteur, ông nói rằng : « Sự học không có quê-hương mà người học phải có tổ-quốc, vì học-hành có được chút thanh-danh trong thiên-hạ, phải nên qui - công cho nước mới phải. » Về phần ông thì ông qui-công cho nước hết cả, chớ không phải một cái danh-dự không mà thôi. Chỉ một sự phát-minh của ông, vì ông muốn lấy bằng

millions, il était pauvre; il voulut rester et mourir pauvre, comme si son intelligence n'eût été qu'un dépôt, dont il dût faire le meilleur usage, assez payé par la découverte et la diffusion du bien lui-même, et dont il eût rougi de faire sa propre fortune.

Que le maître ajoute encore les traits qui achèvent la figure morale de Pasteur pour l'offrir comme exemple à notre jeunesse.

En ce pays qui met au premier plan de la vie et de la pratique morales le respect des parents et des ancêtres, comment nos élèves ne seraient-ils pas émus par ce discours de Dôle, où Pasteur, en 1883, assistant à l'inauguration de la plaque commémorative posée sur la façade de la maison où il était né, laisse déborder, dans un jour qui, pour une âme moins pure, aurait pu être celui de l'orgueil, la reconnaissance de son cœur filial : « Oh ! mon père et ma mère ! Oh ! mes chers disparus, qui avez si modestement vécu dans cette petite maison, c'est à vous que je dois tout... » Qu'on lise tout au long cette page belle comme un poème, que scande largement l'émotion profonde, jusqu'à la salutation finale : « Soyez béais l'un et l'autre, mes chers parents, pour ce que vous avez été et laissez-moi vous reporter l'hommage fait aujourd'hui à cette maison. »

Après le père, n'est-ce pas le maître, à qui la morale d'Annam décerne le plus grand respect ? Voici Pasteur rappelant ses souvenirs de jeunesse : « Il y a, dans la jeunesse de tout homme de science et sans doute de tout homme de lettres, un jour inoubliable, où il a connu à plein esprit et à plein cœur des émotions si généreuses, où

chuyên - giữ lợi - quyền, cũng đủ làm cho ông giàu hàng triệu, vậy mà ông vẫn nghèo. Bình-sinh ông nghèo, khi chết cũng muốn giữ cái bản-sắc nghèo, tựa hồ như cái óc thông-minh của mình cũng coi như một cái của gửi, phải khéo dùng cho được tận-ích tận-lợi, phát-minh được sự gì, truyền-bá được điều hay, ấy là được đền công đó, chứ đem ra mà lợi-dụng kiếm tiền thì tựa-hồ như xấu-hồ vậy.

Thầy giáo lại nên kể những tích hay trong đời ông nó tô-diêm cho cái nét mặt tinh-thần của ông, để trình-bày làm gương cho bọn thiếu-niên.

Ở nước Việt-Nam này là nơi lấy sự hiếu-kính cha mẹ tổ-tiên là đầu các đức ở đời, cho học-trò ta nghe lời diễn-thuyết của ông PASTEUR ở Dôle năm 1883 buổi khánh-thành cái biền kỷ-niệm đóng vào trước cửa chỗ nhà ông đã sinh ra khi xưa, bữa ấy giá người kèm cao-thượng thời có thể tự-cao được, vậy mà ông chỉ chứa-chan một tấm lòng hiếu-thảo, cảm-ơn cái công-đức cù-lao ; cho học-trò nghe những lời ông diễn-thuyết như câu này : « Ôi ! cha tôi, mẹ tôi ! Cha mẹ yêu quý của tôi đã qui-tiên rồi, thừa hàn-vi ăn ở trong cái nhà nhỏ này ; nhờ công cha mẹ mà tôi mới được như bây giờ... », cho nghe những câu ấy thì học-trò cảm lòng cảm-động sao được ? Cả cái bài diễn-thuyết ấy đẹp như một bài thơ mà cái âm-diệu rộng-rãi là tấm lòng cảm-động thâm-trầm, phải nên đọc cả toàn-thiên cho học-trò nghe, cho đến câu kính-chúc cuối cùng : « Hỡi cha yêu mẹ quý của tôi, cầu trời giáng-phúc cho hai người, vì cái công-nghiệp một đời, và xin để cho con tặng lại hai người sự vẻ-vang cho cái nhà này bữa hôm nay. »

Sau cha sinh thời chẳng phải thầy dạy là người trong luân-lý nước Nam lấy làm tôn-trọng nhất dư ? Ông PASTEUR hồi-tưởng thừa thiếu-niên có nói rằng : « Trong tuổi thanh-niên của nhà bác-học và có lẽ cả nhà văn-học nữa, có một ngày không bao giờ quên được, là ngày trong lòng trong trí đầy những cái

il s'est senti vivre avec un tel mélange de fierté et de reconnaissance que le reste de son existence en est éclairé à jamais. Ce jour là, c'est le jour où il s'est approché des maîtres à qui il doit ses premiers enthousiasmes, dont le nom n'a cessé de lui apparaître dans un rayonnement de gloire.»

Et qu'on dise enfin aux enfants de nos écoles que ce grand maître était bon, et qu'il les aimait, eux les enfants, d'une dilection particulière. En 1885, Pasteur avait multiplié les exemples de prophylaxie de la rage sur les chiens; mais « il me semble — écrivait-il — que la main me tremblera, quand il faudra passer à l'espèce humaine ». Mais, le 6 Juillet 1885, on lui amène le petit alsacien Joseph Meister, mordu par un chien enragé tandis qu'il s'en allait à l'école. Les quatorze blessures de ce pauvre petit de neuf ans, qui se soutient à peine, le remuent jusqu'au fond de l'âme et après des hésitations angoissantes, le salut de l'enfant à tenter le décide — il engage la suprême bataille..., et sa main ne tremble pas. Et quand ses jeunes malades, Meister, Jupille, Gueyton sont guéris, le grand et bon maître continue à se pencher sur eux, à s'intéresser à leur humble vie; il prend sur son temps, plus précieux que l'or, pour leur écrire; il écrit à l'écolier, au petit berger, il envoie de l'argent à son « cher petit Gueyton » pour qu'il apprenne à lire et à écrire... Que la commémoration dans nos classes primaires s'achève sur ces traits, afin que le grand Génie de France soit aimé des plus petits, tandis que la France et le monde le célébreront et que son centenaire fasse, pour l'admiration et la reconnaissance l'union des cœurs.

BLANGUERNON

Directeur p. i. de l'Instruction  
publique

cảm-kích cao-thượng, thấy người mình như muốn tự-đắc mà lại muốn cảm-ân, khiến cho cả cuộc đời từ đó được sáng-sủa hơn lên. Ngày ấy là ngày được đến gần ông thầy học, nhờ thầy mà trong lòng mới thấy biết hưng-khởi, rôi từ đấy tên thầy lúc nào cũng rực-rỡ như trong bóng hào-quang.»

Sau hết, phải nên giảng cho con trẻ các trường biết rằng ông danh-sur ấy là một người nhân-tử vốn thương-yêu con trẻ một cách âu-yếm lạ đường. Năm 1885, ông đã thí-nghiệm cách trị bệnh chó dại vào giống chó nhiều lần, nhưng ông nói rằng: « Khi phải chữa đến giống người, tay tất phải run. » Nhưng ngày mồng 6 tháng 7 năm 1885, người ta đưa đến cho ông một đứa con trẻ đất Alsace tên là JOSEPH MEISTER đương khi đi học bị chó dại cắn. Thằng bé khốn-nạn mới có 9 tuổi mà phải 14 vết thương, đứng không vững nữa, ông trông thấy thống-cảm vô-cùng, trong lòng còn ngần-ngại bán-khoản, sau định ra tay để cứu cho đứa bé, bèn ra quyết-chiến... thời bấy giờ tay không có run chút nào cả. Rồi đến khi mấy đứa bé bị bệnh, MEISTER, JUPILLE, GUEYTON, chữa khỏi được, ông danh-sur kia vẫn một bụng nhân-tử, thường hạ-cổ tới luôn, chăm-chút đến lũ trẻ nghèo hèn; thì-giờ ông quý hơn vàng mà ông chịu phí để viết thư cho lũ ấy; ông viết cho đưa đi học, cho đứa chần-cừ, ông gửi tiền cho « cháu GUEYTON quý của ông » để cho nó học viết học đọc... Lễ kỷ-niệm ở các lớp sơ-học nên lấy những tích như thế mà kết-luận, để cho bậc thiên-tài nước Pháp kia được lũ con nhỏ cùng đồng lòng yêu kính, giữa khi chính nước Pháp và cả thế-giới đương cử lễ tôn-sùng, và nên nhân vì lễ kỷ-niệm hach-niên của ông, hết thấy mọi người đều đồng-tâm mà kính-phục cùng cảm ơn.

BLANGUERNON

Quyền Giám-đốc Học-chính